TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HSST
Ngày 10 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Trần Văn Phước**
Ông **Danh Hưởng**
Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** - Kiểm sát viên.
Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:
TRẦN VĂN Q - sinh năm 1988 tại Vị Thủy, Hậu Giang
Tên gọi khác: không có tên gọi khác.
Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.
Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; chưa có vợ con; Tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 20/01/2018 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.
** Người bị hại:*
Ông **Nguyễn Văn Tư N** – sinh năm 1965
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:
1. Anh **Lê Văn T** – sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.
2. Anh **Liêng T** – sinh ngày 09/11/2004
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Liêng Tu: bà **Trần Thị P** – sinh năm 1950 (bà ngoại Liêng T); Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Anh **Nguyễn Đức N** – sinh năm 1978 và chị **Lê Kim L** – sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Kim L là anh Nguyễn Đức N.

4. Ông **Huỳnh Văn Q** – sinh năm 1968 và bà **Danh Tuyết M** – sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo Q, ông Tư N, anh Liêng T, bà P, anh N, ông Q, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/4/2017, ông Nguyễn Văn Tư N đem khoảng 6.900 con vịt đẻ, loại vịt cổ cò, lông màu trắng đến khu vực ấp Bình Bảo, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu để nuôi và có thuê Trần Văn Q, Lê Văn T, Liêng T giữ vịt, khoảng 02 -03 ngày ông Tư N mới đến lấy trứng vịt một lần. Khoảng 10 giờ ngày 06/4/2017, Trần Văn Q rủ Lê Văn T lấy trộm vịt đem bán lấy tiền tiêu xài và được Lê Văn T đồng ý. Lê Văn T mở lưới lùa vịt ra cho Q đem đi bán, Lê Văn T ở lại giữ chuồng vịt; Q lùa vịt được một đoạn đường thì gặp Liêng T mang cơm ra, Q kêu Liêng T lùa tiếp nhưng không có nói là lùa vịt đem bán. Q và Liêng T lùa 100 con vịt đẻ bán cho anh Huỳnh Văn Q với giá 3.000.000đ và nói là ông chủ chạy vịt đến đây bị kẹt tiền nên kêu đem bán, anh Q không biết vịt do trộm cắp mà có nên đồng ý mua.

Trong lúc Q đem vịt đi bán, Lê Văn T ở lại giữ vịt thì bị một người đàn ông ở địa phương cầm cây rượt đánh, hâm dọa (do trước ngày 06/4/2017 Lê Văn T có uống rượu và mâu thuẫn với người này) nên T bỏ chạy về nhà, chưa kịp lấy tiền bán vịt từ Q.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Q tiếp tục lùa 166 con vịt, có kêu Liêng T lùa tiếp, bán 166 con vịt đẻ cho anh Nguyễn Văn N với giá 4.000.000đ, anh N không biết số vịt trên do trộm cắp mà có. Sau khi bán vịt xong, Q lấy hết số tiền bán vịt và bỏ trốn.

Tại kết luận định giá trị tài sản ngày 06/5/2017 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Long kết luận: 266 con vịt đẻ, loại vịt cổ cò, màu bông trắng có tổng trọng lượng 385 kg có giá 17.356.500đ.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT- KSĐT-KT ngày 20 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn Q, phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p

khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn Q, mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo trả cho ông Tư N số tiền 3.000.000đ; trả cho ông Q, bà M số tiền 1.500.000đ, trả cho anh N, chị L số tiền 2.500.000đ.

Tang vật của vụ án: cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 266 con vịt; ông Tư N đã khắc phục cho anh N, chị L số tiền 1.500.000đ và khắc phục cho ông Q, bà M số tiền 1.500.000đ.

Đối với Lê Văn T quá trình điều tra không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không làm việc được nên chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Lê Văn T. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Liêng T đến ngày 06/4/2017 chỉ mới 12 tuổi và xét thấy Liêng T không biết về việc Trần Văn Q trộm vịt của bị hại nên không đề cập xử lý.

Đối với Quỳnh Văn Q và Lê Đức N là người mua vịt nhưng không biết số vịt trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị hại ông Tư N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Liêng T, bà P, anh N, ông Q, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can có trong hồ sơ vụ án cũng như lời nhận tội của bị cáo Q tại phiên tòa ngày 24/01/2018 thì bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, lời khai người bị hại, và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Trần Văn Q là người giữ vịt thuê cho ông Nguyễn Văn Tư N thông qua hình thức của hợp đồng, ngày 02/4/2017, ông Tư N đem đàn vịt đẻ đến nuôi tại ấp Bình Bảo, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Ông Tư N là người chủ sở hữu đàn vịt đẻ, giao tài sản của mình cho bị cáo trông giữ nhưng ngày 06/4/2017 bị cáo đã có hành vi gian dối

lấy vịt của ông Tư N bán cho người khác 02 lần là 266 con. Tại kết luận định giá trị tài sản ngày 06/5/2017 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Long kết luận: 266 con vịt đẻ, loại vịt cổ cò, màu bông trắng có tổng trọng lượng 385 kg có giá 17.356.500đ.

[4] Xét thấy, bị cáo nhận tài sản từ người bị hại một cách hợp pháp thông qua hình thức của hợp đồng, sau khi nhận được tài sản bị cáo mới nảy sinh ý thức chiếm đoạt và đã lấy tài sản bán cho người khác để sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau khi bán hết 266 con vịt thì bị cáo bỏ trốn, không thông báo cho chủ vịt biết. Như vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện có đầy đủ các dấu hiệu đặc trưng của cấu thành tội "lạm dụng chiếm đoạt tài sản" rõ hơn so với tội "trộm cắp tài sản". Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 17.356.500đ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử bị cáo Trần Văn Q về tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là tội nhẹ hơn tội "trộm cắp tài sản" mà Viện kiểm sát đã truy tố là phù hợp khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã hoàn thành tội phạm. Hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng về mặt vật chất cho người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung.

[6] Xét về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo Trần Văn Q là xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, muốn có nhiều tiền chi xài cá nhân bằng con đường chiếm đoạt tài sản của người khác không qua lao động chân chính. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 lần nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt cũng đã được thu hồi trả cho bị hại; sau khi bỏ trốn bị cáo đã nhận thức được vi phạm của mình nên ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi áp dụng hình phạt. Do đó, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có thể cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[7] Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội "trộm cắp tài sản" áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn Q mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần [4] nêu trên, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề xuất về tội danh và mức hình phạt như quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Về vật chứng: đối với 166 con vịt đẻ bị cáo bán cho anh N và 100 con vịt đẻ bán cho ông Q; quá trình điều tra đã chứng minh được thuộc sở hữu của ông Tư N nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ (bút lục số 74, 75).

[9] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 24/01/2018, bị cáo tự nguyện trả cho ông Tư N số tiền 3.000.000đ, trả cho ông Q, bà M số tiền 1.500.000đ, trả cho anh N, chị L số tiền 2.500.000đ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp với yêu cầu của người bị hại và người liên quan, không vi phạm điều cấm của luật nên được Hồi đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại các biên bản ghi lời khai (từ bút lục số 167 đến bút lục số 176) Lê Văn T thừa nhận đồng ý cùng với bị cáo lấy vịt đem bán lấy tiền chi xài cá nhân và Lê Văn T đã mở lưới rào vịt cùng với bị cáo lùa 100 con vịt ra khỏi đàn vịt; lời khai của Lê Văn T là phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Văn Q có trong hồ sơ vụ án. Tại bản kết luận điều tra và bản cáo trạng số: 34/CT- KSĐT-KT ngày 20 tháng 11 năm 2017 kết luận không làm việc được nên chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Lê Văn T, kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự quy định *"chỉ được tách vụ án trong trường hợp cần thiết khi không thể hoàn thành sớm việc điều tra đối với tất cả các tội phạm và nếu việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án"*. Do đó, việc chưa tiến hành điều tra, xử lý đối với hành vi của Lê Văn T là chưa giải quyết toàn diện nội dung vụ án, là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tiến hành điều tra làm rõ: có căn cứ cho rằng còn có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can. Nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long không chấp nhận tiến hành điều tra theo yêu cầu của Tòa án là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Do giới hạn của việc xét xử nên Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án nhân dân cấp trên xem xét theo thẩm quyền đối với đối tượng Lê Văn T theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với Liêng T đến ngày 06/4/2017 chỉ mới 12 tuổi và xét thấy Liêng T không biết về việc Trần Văn Q trộm vịt của bị hại nên không đề cập xử lý. Đối với Quỳnh Văn Q và Lê Đức N là người mua vịt nhưng không biết số vịt trên do bị cáo trộm cắp mà có nên khôn đề cập xử lý.

[12] Bị cáo Trần Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 350.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q, phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q, mức án 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 20/01/2018.

3/ Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Trần Văn Q trả cho ông Nguyễn Văn Tư N số tiền 3.000.000đ, trả cho anh Nguyễn Đức N và chị Lê Kim L số tiền 2.500.000đ, trả cho ông Huỳnh Văn Q và bà Danh Tuyết M số tiền 1.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Về vật chứng: công nhận việc xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

5/ Về án phí: áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lư Trường Lâm

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Công an huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.